

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **148/2023/DS-ST**

Ngày: 22/6/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lệ.

2. Ông Mai Văn Cười.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Cà Thị Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST-DS ngày 04/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2023/QĐST-DS ngày 22/5/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Thân Thành T**, sinh năm xxxx; ngụ tại số G P, khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có mặt)

* Bị đơn: **Phạm Mỹ T1**, sinh năm xxxx; ngụ tại Khu phố C, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú tại ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Phạm Thị Kim H** (Tên gọi khác Phạm Thị H), sinh năm xxxx, ngụ tại Khu phố C, phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, ông Thân Thành T là nguyên đơn trình bày: Vợ chồng ông T1 và bà H có vay mượn của ông T nhiều lần, cụ thể là:

Ngày 20/12/2015 vay số tiền 50.000.000 đồng có làm biên nhận, thỏa thuận miêng lãi suất 3%/tháng;

Ngày 13/02/2017, vay số tiền 50.000.000 đồng có làm biên nhận, thỏa thuận

miệng lãi suất là 3%/tháng;

Ngày 13/6/2017, vay số tiền 60.000.000 đồng có làm biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng;

Ngày 24/01/2020 (tương đương ngày 30/chạp) vay số tiền 30.000.000 đồng có làm biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng;

Ngày 07/8/2020 vay số tiền 50.000.000 đồng có làm biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng;

Tổng cộng là 240.000.000 đồng tiền gốc. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng là 2 tháng sau khi vay sẽ trả, tuy nhiên mỗi lần vay đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông T1 lại gặp khó khăn, hụt tiền trả tiền hàng gỗ, tiền nợ công nhân cửa sê gỗ, do chỗ quen biết và cũng là chỗ đồng đội khi xưa nên ông T tiếp tục cho vay. Quá trình thực hiện, vợ chồng ông T1 bà H chưa trả được khoản tiền vốn và lãi nào. Nên ngày 04/12/2021 (AL) ông T cùng với vợ chồng ông T1 và bà H có làm biên nhận nợ tổng cộng số tiền vốn là 240.000.000 đồng và tiền lãi là 300.000.000 đồng.

Nay Ông T yêu cầu ông T1 và bà H trả số tiền vốn vay là 240.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 20%/năm, tổng cộng tiền lãi tính từ ngày vay cho đến ngày hai bên kết nợ là ngày 16/01/2021 tương ứng với ngày 04/12/2020 (AL) nhưng ông nhớ nhầm và ghi nhầm là 04/12/2021 (AL) trong biên nhận nợ mà ông đã nộp cho Tòa án, như vậy tổng cộng tiền lãi là 140.600.000 đồng. Tổng cộng ông T1 và bà H phải trả cho ông T số tiền là 380.600.000 đồng, yêu cầu trả trong vòng 6 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra không yêu cầu trả thêm khoản tiền lãi nào khác.

* Ông Phạm Mỹ T1 là bị đơn trình bày: Thống nhất có vay của ông T tổng cộng số tiền làm 240.000.000 đồng làm 5 lần như ông T trình bày, mỗi lần vay khoảng 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, thỏa thuận lãi suất vay 02 lần đầu tiên là 3%/tháng và 03 lần vay sau là 5%/tháng. Quá trình thực hiện vay tiền lần sau sẽ trả tiền lãi cho lần vay trước. Tuy nhiên, khi ông T1 trả lãi thì không có làm biên nhận, ông T1 cũng không nhớ được ông đã trả cho ông T bao nhiêu lần tiền lãi với số tiền lãi là bao nhiêu. Nay ông T1 đồng ý trả cho ông T số tiền vốn vay là 240.000.000 đồng, nhưng không đồng ý trả tiền lãi tiếp vì trước khi ông T khởi kiện tại Tòa án thì ông T và vợ chồng ông T1 đã thỏa thuận chỉ trả tiền vốn, không trả tiền lãi. Do hiện nay vợ chồng ông T1 đang gặp khó khăn nên ông T1 xin bắt đầu trả tiền vốn cho ông T từ năm 2024 và xin trả dần trong vòng 1 năm hết số tiền 240.000.000 đồng.

* Bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng bà H đã có lời khai như sau: Thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian vay mượn, số tiền vay mượn, việc vay mượn có làm biên nhận, có thỏa thuận miệng lãi suất như ông T trình bày. Tổng cộng vốn gốc là 240.000.000 đồng. Quá trình vay mượn là do chồng của bà là ông Phạm Mỹ T1 giao dịch trực tiếp với ông T, bà có nghe chồng bà nói lại rằng lần mượn thứ hai

vào ngày 13/02/2017 mượn 50.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ nhận được 30.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng trừ vào tiền lãi, không có làm biên nhận trả lãi; và tiếp lần mượn thứ 3 là vào ngày 13/6/2017 mượn tiếp 50.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ nhận được 30.000.000 đồng tiền vốn, còn 20.000.000 đồng được trừ vào tiền lãi, không có làm biên nhận trả lãi. Sau đó dịch covid xảy ra nên ngưng thanh toán gốc và lãi cho đến nay. Bà H đồng ý trả tiền gốc cho ông T là 240.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà H xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Thân Thành T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Mỹ T1 và bà Phạm Thị Kim H cùng tạm trú tại ấp D, xã P, huyện G có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 240.000.000 đồng và tiền lãi nên đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xử vắng mặt bà Phạm Thị Kim H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Thân Thành T và ông Phạm Mỹ T1, bà Phạm Thị Kim H tự nguyện thỏa thuận vay tiền, có lập giấy vay tiền. Quá trình thực hiện, ông T1 và bà H chưa trả được khoản tiền vốn nào cho ông T mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T1 và bà H trả tiền nhưng ông T1 và bà H chỉ hứa hẹn mà không trả tiền. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà H trả số tiền vốn vay 240.000.000 đồng, yêu cầu trả trong vòng 6 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, ông T1 và trong quá trình tố tụng bà H đã thống nhất vay số tiền như ông T trình bày, đồng ý trả số tiền 240.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên tại phiên tòa ông T1 xin trả dần trong vòng một năm kể từ năm 2024 sẽ trả hết số tiền 240.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T đồng ý cho vợ chồng ông T1 trả tiền cho ông T trong vòng 6 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc vay mượn giữa ông T và ông T1 là tự nguyện có làm biên nhận, vợ chồng ông T1 và bà H thống nhất trả cho ông T số tiền vốn vay là 240.000.000 đồng, xin trả dần trong vòng 01 năm kể từ năm 2024 nhưng không được ông T đồng ý vì vợ chồng ông T1, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng ông T1 vẫn không trả, tuy nhiên do chỗ quen biết, là đồng đội với nhau nên ông T

cho vợ chồng ông T1 trả dần trong vòng 06 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.2] Về tiền lãi: Khi vay mượn ông T và vợ chồng ông T1 thỏa thuận lãi suất từ 3%/tháng đến 5%/tháng nên ông T tổng kết tiền lãi với số tiền là 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là quá cao so với quy định pháp luật nên ông T thống nhất tính lại lãi suất của vợ chồng ông T1 theo mức lãi suất pháp luật quy định là 20%/năm từ ngày vay cho đến ngày hai bên kết nợ là 16/01/2021 với tổng cộng số tiền là 140.600.000 đồng vì vợ chồng ông T1 chưa trả khoản tiền lãi nào cho ông T. Ông T1 trình bày đã trả tiền lãi cho ông T nhưng không nhớ được số tiền là bao nhiêu, trả được bao nhiêu lần và cũng không có làm biên nhận nhận tiền lãi, nay ông T1 xin không trả tiền lãi không được ông T đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T1. Do đó yêu cầu trả tiền lãi của ông T là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thân Thành T được chấp nhận nên ông Thân Thành T không phải chịu án phí. Ông Phạm Mỹ T1 và bà Phạm Thị Kim H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông Phạm Mỹ T1 và bà Phạm Thị Kim H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 26, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Thành T.

Buộc ông Phạm Mỹ T1 và bà Phạm Thị Kim H phải trả cho ông Thân Thành T số tiền 380.600.000 đồng (Trong đó tiền vốn là 240.000.000 đồng và tiền lãi là 140.600.000 đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu trả tiền thì hàng tháng phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Phạm Mỹ T1 và bà Phạm Thị Kim H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông T1 và bà H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại phiên tòa và kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- CC.THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh

